

Chất lượng Giáo dục đại học Mỹ và Nhật Bản: thành tựu, vấn đề và giải pháp.

Trần Thị Bích Liễu

Mỹ và Nhật Bản là hai cường quốc có nền giáo dục đại học(GDDH) chất lượng cao với nhiều trường đại học(ĐH) nổi tiếng trên thế giới. Những nghiên cứu gần đây về chất lượng giáo dục(GD) và chất lượng GDDH của hai nước này đã đem lại nhiều bài học thú vị và bổ ích cho bất kỳ quốc gia nào muốn phát triển nền GD của mình đuổi kịp các nền GD tiên tiến của các nước.

1) Một vài nét nổi bật về tình hình GDDH của hai nước

Nếu lấy tiêu chí phân loại các giai đoạn phát triển của GDDH theo tỉ lệ dân số trong độ tuổi nhập học ở các loại hình trường ĐH(trường ĐH 4 năm trở lên và các trường cao đẳng) thì cả hai cường quốc này đã vượt qua thời kỳ tinh hoa(tỉ lệ nhập học ĐH thấp hơn 15% dân số trong độ tuổi), lần thời kỳ đại chúng(50% dân số trong độ tuổi đi học ĐH) và đang bước vào giai đoạn phổ cập ĐH(trên 50% dân số trong độ tuổi đi học ĐH). Nhật Bản đứng thứ 2 sau Mỹ về tỉ lệ dân số đi học ĐH. 40% dân số 18 tuổi của NB đi học các trường ĐH 4 năm và 70% dân số từ 18-64 theo học các loại hình trường đại học.

Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ĐH năm 1999 theo các loại hình đào tạo có thể thấy trong bảng sau:

Bảng 1: Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học theo loại hình đào tạo ở Mỹ và NB năm 1999

Loại hình đào tạo	Nhật Bản	Mỹ
Nghiên cứu viên và chuyên gia bậc cao	29%	33%
Kỹ sư- thực hành, trực tiếp đi vào cuộc sống lao động	30%	9%

(Nguồn: các chỉ số so sánh phát triển GD Mỹ với các nước trong khối G8)

Như vậy, tỉ lệ đào tạo giữa hai loại hình ở NB tương đối cân đối, trong khi tỉ lệ này khá chênh lệch ở Mỹ. Mỹ chú trọng đào tạo sinh viên có trình độ nghiên cứu và chuyên gia bậc cao cao hơn 3 lần đào tạo sinh viên trực tiếp đi vào cuộc sống lao động. Điều này cho thấy Mỹ đã đầu tư cho nghiên cứu khoa học nhiều hơn thế nào và vì sao Mỹ là nơi có nhiều phát minh khoa học nổi tiếng thế giới và có nhiều nhà khoa học đạt giải Nobel như vậy.

Ngoài ra có sự khác biệt đối với tỉ lệ người trong độ tuổi từ 25 đến 64 ở các trình độ học vấn khác nhau tham gia vào thị trường lao động giữa Mỹ và Nhật Bản: (Năm 1999)

Bảng 2: Tỉ lệ người ở các trình độ tham gia vào thị trường lao động ở Mỹ và Nhật Bản

Nước	Đại học (%)	Trung học phổ thông(%)	Chưa tốt nghiệp THPT(%)
Nhật Bản	90	78	72
Mỹ	87	79	63

(Nguồn: các chỉ số so sánh phát triển GD Mỹ với các nước trong khối G8)

2) Chất lượng giáo dục đại học(GDDH) và các yếu tố ảnh hưởng đến nó.

Chất lượng GDDH vô cùng quan trọng, quyết định sự thịnh vượng và giàu có của một quốc gia, đồng thời cần thiết cho sự tồn tại, phát triển của bất kỳ một trường đại học nào. Trường đại học nào không thực hiện mục tiêu chất lượng thì không nên và càng không thể tồn tại.

Chất lượng GDDH được các nhà GD Mỹ định nghĩa là sự phù hợp giữa mục đích đào tạo của trường ĐH với các chuẩn trách nhiệm đã được thống nhất giữa nhà trường và

xã hội, hay chính là việc tr- ờng ĐH thoả mãn các nhu cầu của khách hàng(các thành viên, các tổ chức kinh tế-xã hội và chính bản thân ng- ời học) về năng lực và phẩm chất của ng- ời học đáp ứng các yêu cầu của xã hội, của thị tr- ờng lao động.

Các nhà GD Nhật Bản định nghĩa chất l- ượng GDDH một cách cụ thể hơn: chất l- ượng GDDH liên quan đến thói quen học tập, thái độ của sinh viên và việc GDDH vũ trang cho họ các kiến thức và mục tiêu nghề nghiệp một cách rõ ràng, t- ơng xứng ở trình độ đại học.

GDDH của Mĩ và NB trong một thời gian dài đ- ợc đánh giá là những hệ thống tốt, đa dạng, tiên tiến và có chất l- ượng cao trên thế giới. Chất l- ượng cao của GDDH của hai n- ớc đ- ợc minh chứng bằng sự phát triển của kinh tế, khoa học và kĩ thuật của hai c- ờng quốc giàu mạnh nhất thế giới này.

Trong một khoảng thời gian ch- a đầy 50 năm. GDDH Mĩ đã đáp ứng nhu cầu lao động có tay nghề cho xã hội, giảm tỉ lệ ng- ời lao động không có chuyên môn từ 80% năm 1950 xuống 15% năm 1997 và sẽ giảm tỉ lệ này xuống 12% vào năm 2006.

Mĩ và Nhật là hai n- ớc có nhiều tr- ờng ĐH nổi tiếng thế giới. Tỉ lệ các nhà khoa học Mĩ đạt giải th- ờng Nobel chiếm 40% tổng số các nhà khoa học đạt giải trên toàn thế giới. Theo đánh giá của báo cáo về "Các chính sách cải cách cơ cấu giáo dục đại học " tháng 6 năm 2001, cải cách GDDH của NB đã tăng tốc mạnh mẽ, tạo nên các tr- ờng ĐH sáng tạo, tham gia tích cực và đẩy sức cạnh tranh trên tr- ờng quốc tế.

Gần đây một số nghiên cứu cho rằng, chất l- ượng GD và GDDH Nhật Bản có nhiều mặt hơn hẳn GD và GDDH Mĩ (xem số liệu bảng 1, 2, 4), mặc dù đầu t- cho GD và GDDH của NB thấp hơn Mĩ. Chi phí cho một sinh viên ĐH ở Mĩ cao hơn 2 lần ở Nhật và đầu t- cho GDDH của Mĩ cao hơn NB 0,6 lần. Ở Nhật, chính phủ TW là ng- ời đầu t- chính và quyết định các chính sách, ch- ơng trình phát triển của GD nói chung và GDDH nói riêng. Trong khi đó, ở Mĩ, chính quyền Liên bang và Bang là ng- ời đầu t- và chịu mọi trách nhiệm quản lí đối với phát triển giáo dục đại học.

Bảng 3: Đầu t- cho giáo dục (số liệu năm 1998)

N- ớc	Bậc học	chi phí cho 1 HS/SV (USD)	Tỉ lệ đầu t- theo GDP(%)	Đầu t- theo cấp chính quyền (%)		
				Trung - ơng	Vùng	Địa ph- ơng
Nhật Bản	đại học:	9,871	2,8	80	20	0
	tiểu học:	5,075	2,8	24	57	19
	trung học:	5,890	2,8	24	57	19
Mĩ	đại học:	19, 802	3,4	38	51	11
	tiểu học:	6,043	3,4	7,0	50	43
	trung học:	7,764	3,4	7,0	50	43

(Nguồn: các chỉ số so sánh phát triển GD Mĩ với các n- ớc trong khối G8)

Trong các kì khảo sát học sinh quốc tế, NB đứng đầu các n- ớc về môn toán và khoa học tự nhiên, cao hơn học sinh Mĩ. Thành tích học tập các môn toán và khoa học tự nhiên cụ thể của học sinh hai n- ớc trong kì khảo sát quốc tế năm 1999 nh- sau:

Bảng 4: Số học sinh đạt kết quả cao trong kì khảo sát quốc tế môn toán và khoa học tự nhiên

N- ớc	Toán (số học sinh)		Khoa học tự nhiên(số học sinh)	
	lớp 4	lớp 8	lớp 4	lớp 8

Nhật Bản	597	579	574	565
Mĩ	545	502	550	515

(Nguồn: các chỉ số so sánh phát triển GD Mĩ với các nước trong khối G8)

Với những con số này có thể nói rằng tiền và các ph-ong tiện giáo dục ch- a phải là yếu tố quyết định chất l-ong giáo dục, mặc dù chúng là những yếu tố hỗ trợ quan trọng. Các nhà nghiên cứu GD của hai nước cho rằng để đánh giá chất l-ong GD và GDDH cần có một cách tiếp cận tổng thể, bởi vì có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chất l-ong GD và GDDH: công tác quản lý và lãnh đạo, chính sách và chiến l-ợc phát triển GD, quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các tr-ờng ĐH, ch-ong trình, trình độ đào tạo và tay nghề của giáo viên, sự chuẩn bị học sinh ở tr-ờng phổ thông để các em học tiếp ở ĐH, yếu tố đầu t- và môi tr-ờng học tập của sinh viên, tiếp thị và các chiến l-ợc cạnh tranh ... Kết quả điều tra tại một số tr-ờng ĐH ở TP Hồ Chí Minh cho thấy, yếu tố quyết định hàng đầu đối với chất l-ong GD là công tác quản lý và lãnh đạo(51%), yếu tố giáo viên và ph-ong pháp giảng dạy chiếm 22%, ch-ong trình và cơ sở vật chất: 18% và yếu tố kiểm tra đánh giá chiếm 9%...Các nhà GD chỉ ra rằng, đầu t- cho GD chỉ mang lại hiệu quả cao khi đồng tiền đ-ợc sử dụng một cách thông minh và đúng mục đích. Giải thích nguyên nhân chính dẫn đến thành tích học tập môn toán và môn khoa học tự nhiên cao của HS NB, các nhà nghiên cứu của hai nước tìm thấy rằng giáo viên NB đã sử dụng tiếp cận dạy học với cả lớp, học sinh làm việc cùng nhau trong dạy học môn toán và khoa học tự nhiên, tạo động lực thi đua và nỗ lực cho học sinh. Tiếp cận này chỉ có 54% giáo viên toán và 35% GV môn khoa học tự nhiên ở Mĩ sử dụng, còn đa số sử dụng tiếp cận dạy học cá nhân với sự giúp đỡ trực tiếp của GV. Ngoài ra, các nghiên cứu về quản lý GD ở NB cho thấy rằng, sự kết hợp khéo léo giữa quản lý trung -ong và quản lý phân cấp phân quyền trong quản lý GD là một trong những yếu tố cơ bản đem lại sự ổn định và đảm bảo chất l-ong GD cho toàn bộ hệ thống GD. Ở các tr-ờng ĐH sự kết hợp này thể hiện ở việc tăng c-ờng đầu t- của nhà nước cho GDDH với việc trao thêm quyền tự chủ, tự quản và tự chịu trách nhiệm cho nhà tr-ờng.

Tuy nhiên, tr-ớc những đòi hỏi mới của sự phát triển kinh tế- xã hội, khoa học và kĩ thuật của hai nước và của toàn cầu, Mĩ và Nhật đã tiến hành các khảo sát chất l-ong GDDH và cho rằng hệ thống GDDH của họ đã không còn đáp ứng những yêu cầu mới - cần đ-ợc cải cách nâng cao chất l-ong.

3) Một số vấn đề về chất l-ong GDDH và các giải pháp

B-ớc vào thế kỉ 21, NB và Mĩ cũng nh- nhiều nước khác đang đối mặt với vấn đề chất l-ong GDDH. Các nhà GD Nhật Bản và Mĩ cho rằng chất l-ong học tập của sinh viên các tr-ờng đại học của họ đang giảm sút. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này:

Thứ nhất, sự sụt giảm dân số, sự gia tăng nhu cầu đi học ĐH ngày càng cao và do việc mở rộng qui mô các tr-ờng ĐH. Tại Nhật, số dân trong độ tuổi 18 đang giảm dần: năm 1992: 2 triệu, giảm xuống 1,5 triệu hiện nay và sẽ còn 1,2 triệu năm 2010 hoặc thấp hơn. ở Mĩ, đến năm 2010 số ng-ời trong độ tuổi có nhu cầu đi học ĐH tăng 20%(ch- a tính số ng-ời đã đi làm muốn tiếp tục học ĐH và sau ĐH). Sự giảm sút dân số, sự mở rộng và đa dạng các loại hình tr-ờng ĐH và việc tăng nhu cầu đi học ĐH là một trong những nguyên nhân khiến chất l-ong GDDH giảm sút. Bởi vì để tồn tại, các tr-ờng ĐH

bắt buộc phải giảm yêu cầu của kì thi đầu vào, hạ điểm chuẩn tuyển sinh để có sinh viên. Hơn thế nữa, con em các gia đình giàu có dù học lực yếu vẫn có thể trở thành sinh viên của bất kì trường ĐH trung bình nào nếu bố mẹ các em trả đủ tiền học phí cho các em đi học.

Thứ 2: chất lượng chương trình và giáo viên yếu kém. Trong giai đoạn chuyển từ ĐH đại chúng sang phổ cập ĐH, nhiều trường ĐH ở Nhật và Mỹ vẫn giảng dạy theo phương pháp truyền thống, chất lượng chương trình thấp, đào tạo sinh viên không đáp ứng được các yêu cầu của những ngành nghề lao động mới.

Theo số liệu của Bộ Lao động Mỹ, 70% công việc lao động mới đòi hỏi lao động có trình độ ĐH, nhưng GD ĐH Mỹ không thể đáp ứng và ước tính đến năm 2028 có khoảng 19 triệu công việc sẽ thiếu nhân công được đào tạo có đủ trình độ và tay nghề cho những công việc này. Trong những năm 90, 40% người lao động Mỹ không có tay nghề đáp ứng yêu cầu các công việc kinh doanh. Giữa năm 1985 và 2000, ở Mỹ đào tạo kỹ sư giảm 24%, kỹ sư toán giảm 30% dù đòi hỏi các loại kỹ sư này là tương đối cao. Đặc biệt hiện nay Mỹ thiếu trầm trọng công nhân có tay nghề cho lĩnh vực công nghệ thông tin. Tương tự như vậy, NB cũng phải đối mặt với hiện tượng thiếu kỹ sư trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Thứ 3: Có sự cách biệt lớn giữa chất lượng GDĐH của các trường ĐH, đặc biệt là giữa các trường ĐH quốc gia với các trường ĐH vùng ở NB và giữa các trường ĐH nổi tiếng trong thời kì ĐH tinh hoa với các trường ĐH các vùng xa xôi ở Mỹ..

Bên cạnh những vấn đề chung, mỗi nước có những hoàn cảnh và vấn đề riêng đối với GDĐH.

Ở Mỹ, theo họ, chất lượng GDĐH thấp là do vấn đề chuẩn bị học sinh phổ thông đi học ĐH còn yếu kém, người ta chưa đo được những gì mà sinh viên học được ở trong các trường ĐH... Các nhà giáo dục Mỹ cho rằng họ biết rất ít những gì sinh viên học và được đào tạo trong các trường ĐH, vì vậy, sau khi khảo sát, họ đã không thể so sánh nổi chất lượng GDĐH của các trường ĐH trong 50 bang. Thiếu thông tin về việc học tập của sinh viên đe dọa khả năng của các ngành kinh doanh Mỹ đáp ứng được các chuẩn của thế giới trong môi trường cạnh tranh toàn cầu.

Ở NB hệ thống GD ĐH đã tồn tại 30 năm nay mà chưa hề được cải tiến. Chính phủ vẫn đóng vai trò chính đối với quản lý GDĐH. Đầu tư cho GDĐH thấp...

Sự phát triển của khoa học kỹ thuật và môi trường cạnh tranh mang tính toàn cầu đòi hỏi những kỹ năng lao động mới tạo ra những thách thức cho GDĐH của hai nước và của tất cả các nước trên thế giới.

Các nhà giáo dục, các nhà hoạch định chính sách phát triển GDĐH Mỹ nhận định: " Khả năng của GDĐH Mỹ đáp ứng những thay đổi của thế giới trở thành một vấn đề vô cùng quan trọng đối với sự thịnh vượng của nền kinh tế và xã hội Mỹ. Sự thịnh vượng của nền kinh tế và xã hội của nước Mỹ phụ thuộc hoàn toàn vào khả năng của các trường đại học và cao đẳng đào tạo những công dân lao động Mỹ có tay nghề cao hơn bao giờ hết... Trong thế kỷ 21, mỗi một công dân Mỹ cần phải được hưởng một nền GDĐH chất lượng cao" (và nước Mỹ phải xây dựng một hệ thống chuẩn chất lượng GDĐH mới.

Bước vào thế kỷ 21, "kỷ nguyên kiến thức," Nhật Bản đặt mục tiêu xây dựng một đất nước hùng mạnh có nguồn nhân lực tài năng, sáng tạo trong khoa học và kỹ thuật. Các nhà giáo dục và hoạch định chính sách GDĐH của Nhật Bản cho rằng, các trường đại học

cần cung cấp giáo dục suốt đời cho tất cả mọi người. Nhiệm vụ đầu tiên của GDĐH là tiếp tục đạt được các mục tiêu giáo dục cơ bản của giáo dục phổ thông ở một mức độ cao hơn, đào tạo những chuyên gia chuyên môn và các chuyên gia đa lĩnh vực xuất sắc. Mặc dù chất lượng GDĐH Nhật Bản có những vượt trội so với GDĐH Mỹ, họ vẫn cho rằng GDĐH Nhật cần học tập GDĐH Mỹ về chất lượng, đặc biệt là chương trình dạy kiến thức và kinh nghiệm các môn khoa học và nghệ thuật, chương trình đào tạo sau đại học. Cả hai nước đều đặt mục tiêu đào tạo chuyên gia và các nhà lãnh đạo thế giới cho mình và xây dựng chương trình để thực hiện mục tiêu này.

Dựa trên nhu cầu, hoàn cảnh và đặc điểm tình hình của mình, mỗi quốc gia đưa ra những giải pháp cải cách và nâng cao chất lượng GDĐH riêng, phù hợp cho mình.

Đối với Mỹ các giải pháp này bao gồm:

1. *Nâng cao trách nhiệm của các trường ĐH đối với việc chuẩn bị học sinh phổ thông đi học ĐH.* Các trường ĐH cần chỉ rõ cho HS phổ thông biết các em cần làm gì, học như thế nào ở phổ thông để có thể học tốt ở trường ĐH và trường ĐH cần chuẩn bị đội ngũ GV tốt hơn cho các trường phổ thông.

2. *Mở rộng và đa dạng hoá các loại hình giáo dục đại học (đào tạo từ xa, đào tạo qua mạng, đào tạo tại chỗ...)* làm cho GDĐH có sẵn mọi lúc, mọi nơi đáp ứng các nhu cầu đa dạng của nhân dân Mỹ đối với việc học đại học. Các nhà GD Mỹ cho rằng cần định nghĩa lại GDĐH: là tất cả các hình thức GD diễn ra tiếp theo sau trường phổ thông, bao gồm các cơ sở GD của nhà nước, tư nhân, 2 hay 4 năm, có lợi nhuận và không có lợi nhuận.

3. *Hỗ trợ tài chính cho sinh viên của những gia đình thu nhập thấp* để các em có điều kiện theo học ĐH, thực hiện các mục tiêu công bằng GD.

4. *Tối đa hoá thành tích học tập của tất cả các sinh viên.* Đào tạo sinh viên đảm bảo đúng thời hạn, đáp ứng nhu cầu ngành nghề của thị trường và đảm bảo các chuẩn mực chất lượng đã được đề ra.

5. *Liên kết các trường ĐH với các lực lượng GD, các tổ chức kinh tế.*

Mối liên kết giữa GD với các tổ chức kinh tế đã tồn tại từ lâu ở Mỹ thông qua sự tham gia của các tổ chức này vào các hoạt động GD ở các trường phổ thông và các trường ĐH, thông qua việc các thành viên tham gia vào ban điều hành của các trường ĐH, trợ cấp học bổng và các dự án phát triển GD, cùng với trường ĐH xây dựng các chương trình đào tạo... Trong giai đoạn mới, sự tham gia này được thực hiện theo những nguyên tắc mới, sao cho các tổ chức kinh tế cùng nhau giải quyết một cách có hệ thống các vấn đề của GDĐH, phát huy những sáng kiến riêng của mình, thiết lập những tổ chức liên kết GD mới và cam kết cùng với GD đánh giá, nâng cao chất lượng đào tạo...

6. *Đo lường các nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội của quốc gia và xây dựng các mục tiêu, chương trình GD phù hợp.*

7. *Xây dựng các chiến lược hỗ trợ việc đo lường kết quả học tập của sinh viên.* Các Bang cần xác định rõ ràng các tiêu chí đo lường, những năng lực cần thiết (gồm các kiến thức và kỹ năng cơ bản và kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp) mà sinh viên phải có trong và sau khi học ĐH. Các cơ sở kinh doanh phải là người đóng vai trò quan trọng trong các chiến lược này.

Các giải pháp của GDĐH Nhật tập trung vào các vấn đề cơ bản sau đây:

1. *Tổ chức lại và hợp nhất các trường Đại học quốc gia*: Tổ chức lại và hợp nhất các trường Đại học quốc gia là điều rất cần thiết nhằm tăng cường sức mạnh của các hoạt động giáo dục và nghiên cứu giáo dục, giúp các trường mở rộng phạm vi hoạt động ra khỏi khuôn khổ của mình, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực ít ỏi của mỗi trường.

2. *Chuyển các trường Đại học quốc gia thành các công ty đại học, xây dựng một hệ thống quản lý GDDH mới*: Để đáp ứng với các xu thế toàn cầu hoá về kinh tế, chính trị và trí tuệ và các đòi hỏi ngày càng cao của xã hội và để cạnh tranh với các trường ĐH khác trên thế giới, các trường phải có quyền tự chủ và tự quản, độc lập với vị thế của một công ty: sử dụng hệ thống quản lý tự chủ, độc lập, linh hoạt, rõ ràng, và quản lý chiến lược; thay đổi vị thế của các khoa và các nhân viên không thuộc biên chế nhà nước; đổi mới chức năng Hội đồng quản lý với việc thảo luận các khía cạnh quản lý của công ty đại học. Để làm được điều này thì một nửa thành viên của Hội đồng sẽ là những người của các tổ chức bên ngoài, và thực hiện việc quản lý từ bên ngoài đối với các trường đại học.

3. *Thực hiện nguyên tắc cạnh tranh bằng cách sử dụng lực lượng đánh giá thứ ba*:

NB thực hiện "Chương trình trung tâm tuyệt hảo của thế kỷ 21" ("21st Century COE (Center of Excellence Program)") từ năm 2002 tập trung hỗ trợ các cố gắng sáng tạo trong mỗi lĩnh vực nghiên cứu giáo dục quốc tế. Chương trình này nhằm phát triển các trường đại học có chất lượng cao nhất thế giới.

4. *Thực hiện các chương trình hỗ trợ xây dựng các trường đại học chất lượng cao*

Bắt đầu từ năm 2003, NB thực hiện các chương trình hỗ trợ xây dựng các trường đại học chất lượng cao cho các trường đại học. Các trường ĐH quốc gia, trường ĐH công và các trường ĐH tư (kể cả các trường cao đẳng) xây dựng các dự án phát triển trường mình và các dự án xuất sắc sẽ được lựa chọn giữa hàng loạt các dự án của các trường đại học nhằm đóng góp cho sự phát triển của giáo dục đại học. Việc lựa chọn này diễn ra công bằng và công khai với sự tham gia của Hiệp hội tín chỉ ĐH Nhật Bản, đại diện thứ ba tồn tại độc lập bên ngoài Bộ GD, Văn hoá, Thể thao, Khoa học và Kỹ thuật NB.

5. *Phát triển hệ thống các trường đại học chuyên nghiệp*, đào tạo các chuyên gia có trình độ chuyên môn cao có thể làm việc trong môi trường quốc tế; xây dựng các trường ĐH chất lượng cao với việc (1) phát triển nền giáo dục và nghiên cứu bậc cao (2) cá nhân hoá giáo dục đại học và (3) Tích cực hoá hoạt động của tổ chức quản lý, thực hiện tự đánh giá và đánh giá của lực lượng đánh giá thứ ba.

Ngoài ra một số giải pháp khác cũng được đề cập như: tăng cường nguồn tài chính cho các trường ĐH; đẩy mạnh sự hợp tác giữa trường ĐH với các cơ sở sản xuất công nghiệp, các viện nghiên cứu và các tổ chức quản lý; đẩy mạnh xu hướng quốc tế hoá trường ĐH bằng cách tăng cường số lượng giảng viên là người nước ngoài.

Từ những gì chúng ta đã thấy qua GDDH của Mỹ và NB có thể rút ra kết luận rằng:

GDDH phát triển, vận động và thay đổi qua các thời kỳ khác nhau của lịch sử, đáp ứng những nhu cầu khác nhau của phát triển kinh tế và xã hội của mỗi thời kỳ của từng quốc gia. Do đó, để xây dựng chiến lược phát triển GDDH, xây dựng các mục tiêu, chính sách về chất lượng GDDH cần dựa trên các phân tích về tình hình phát triển dân số, kinh tế, các dự báo về nhu cầu sử dụng lao động của xã hội. Điều quan trọng nhất là suy nghĩ về mục đích của GDDH và nhu cầu của xã hội. Để nâng cao chất lượng giáo dục, các trường ĐH cần cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục, cải tiến công tác quản lý và thực

hiện giáo dục sinh viên, phát triển tài năng của họ, liên kết với các tổ chức kinh tế - xã hội và giải quyết đồng bộ, có hệ thống các vấn đề của GD ĐH.

Cuối cùng, nh- kết luận của các nhà GD Mĩ, rằng những tiến bộ của GDĐH không thể diễn ra ngay lập tức trong một thời gian ngắn. Để đạt đ- ợc những biến chuyển về chất l- ợng GDĐH cần phải có sự thống nhất giữa sự thay đổi trong t- duy của các nhà chính trị, giải quyết các vấn đề kinh tế và điều quan trọng là các tr- ờng đại học phải thực sự mong muốn và kiên quyết đổi mới.

Tài liệu tham khảo:

- 1.U.S. National Center for Public Policy and Higher Education(2002), *Business Leader's Guide to Measuring Up 2002*.
2. US Department of Education (May, 2003), *Comperative Indicators of Education in the U.S.A and other G8 coutries: 2002*
3. Dr. Akito Arima former Minister of Education of Japan and former President of the University of Tokyo UNU Public Lectures *The Future ofHigher Education in Japan The Third Annual Michio Nagai Memorial Lecture*, The United Nations University(2003).
4. Organization of MEXT (Ministry of Education, Culture, Sports, Science and Technology)
- 5.Yoshiiaki Obara (2003), *A Presidential Perspective from Japan*
6. Trung tâm chất l- ợng quốc tế (tháng 5 năm 2004), *Áp dụng mô hình quản lí tập trung vào chất l- ợng và h- ớng tới khách hàng: QMS ISO 9001: 2000 trong các tr- ờng đại học Việt Nam*.